

CHÍNH PHỦ

Số : **86/2002/NĐ-CP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Hiến pháp năm 1992 và Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2002 số 10/2002/NQ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Nghị định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; chế độ làm việc và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Điều 2. Vị trí và chức năng

Bộ, cơ quan ngang bộ (dưới đây gọi chung là bộ) là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực; thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (dưới đây gọi chung là Bộ trưởng) là thành viên Chính phủ, là người đứng đầu và lãnh đạo một bộ; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, trước Quốc hội về quản lý ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 6, 23, 24, 25, 26, 27, 28 của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 và những quy định cụ thể tại Nghị định này.

Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (dưới đây gọi chung là Thứ trưởng) là người giúp Bộ trưởng, được Bộ trưởng phân công chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về nhiệm vụ được phân công. Khi Bộ trưởng vắng mặt, một Thứ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm lãnh đạo công tác của bộ.

Số lượng Thứ trưởng ở mỗi bộ không quá bốn người. Trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương II

Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ và Bộ trưởng

Điều 4. Về pháp luật

1. Trình Chính phủ dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; nghị quyết, nghị định của Chính phủ hàng năm theo yêu cầu quản lý nhà nước của bộ; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chương trình đó theo kế hoạch đã được phê duyệt và các dự án khác theo sự phân công của Chính phủ;

2. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;

3. Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó;

4. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ;

5. Kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành, phát hiện những quy định do các cơ quan đó ban hành không đúng thẩm quyền hoặc trái các văn bản quy phạm pháp luật về ngành, lĩnh vực do bộ phụ trách và giải quyết theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 13 của Nghị định này.

Điều 5. Về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

1. Trình Chính phủ chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm, các công trình quan trọng thuộc ngành, lĩnh vực;

2. Công khai hóa chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch sau khi được phê duyệt (trừ những vấn đề thuộc bí mật nhà nước); tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đó;

3. Thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng có liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ;

4. Thẩm định trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ về nội dung các báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi, các chương trình, dự án, đề án thuộc ngành, lĩnh vực của bộ; chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo, dự án trên do cơ quan và tổ chức của bộ thực hiện; phê duyệt và quyết định đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Về hợp tác quốc tế

1. Trình Chính phủ việc đàm phán, ký, gia nhập điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, nhân danh Chính phủ về ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ;

2. Tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc gia nhập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ;

3. Trình Chính phủ việc ký kết, gia nhập, phê duyệt các điều ước quốc tế và chủ trương, biện pháp, mở rộng quan hệ với nước ngoài, vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ;

4. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế và thực hiện chủ trương biện pháp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

5. Tham gia các tổ chức quốc tế theo sự phân công của Chính phủ;

6. Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; cho phép các đơn vị trực thuộc, các cơ quan tổ chức nước ngoài do cơ quan trung ương cấp giấy phép hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ;

7. Kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án quốc tế tài trợ thuộc ngành, lĩnh vực do bộ phụ trách; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án quốc tế tài trợ của bộ.

Điều 7. Về cải cách hành chính

1. Quyết định và chỉ đạo việc thực hiện chương trình cải cách hành chính của bộ theo mục tiêu và nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

2. Trình Chính phủ đề án phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ cho ủy ban nhân dân địa phương và hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế, xã hội thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ;

3. Quyết định và chỉ đạo thực hiện việc sửa đổi, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính trong phạm vi quản lý của bộ.

Điều 8. Về thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước

Bộ thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Về quản lý nhà nước các tổ chức thực hiện dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ

1. Trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các dịch vụ công;

2. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành điều kiện và tiêu chuẩn thành lập các tổ chức thực hiện dịch vụ công;

3. Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ công theo thẩm quyền;

4. Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức thực hiện dịch vụ công hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Về quản lý nhà nước các tổ chức kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân

1. Trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và định hướng phát triển kinh tế tập thể và tư nhân thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ;

2. Hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và định hướng phát triển kinh tế tập thể và tư nhân thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước sau khi được Chính phủ phê duyệt;

3. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ mẫu đối với các tổ chức kinh tế tập thể thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ; hướng dẫn về tổ chức và hoạt động đối với tổ hợp tác;

4. Hướng dẫn ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ; hỗ trợ thông tin, tiếp thị và xúc tiến thương mại đối với tổ chức kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân;

5. Xây dựng chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý đối với các tổ

chức kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân;

6. Chỉ đạo tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình hoạt động kinh tế có hiệu quả.

Điều 11. Về quản lý nhà nước hoạt động của hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc ngành, lĩnh vực hoạt động trong phạm vi cả nước hoặc liên tỉnh

1. Bộ quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực có nhiệm vụ, quyền hạn :

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội, tổ chức phi Chính phủ tham gia các hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của hội, tổ chức phi Chính phủ để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước về ngành, lĩnh vực đối với hội, tổ chức phi Chính phủ; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật của hội, tổ chức phi Chính phủ theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Nội vụ có nhiệm vụ, quyền hạn :

a) Trình Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, phê duyệt điều lệ hội, tổ chức phi Chính phủ;

b) Quyết định việc thành lập, giải thể, phê duyệt điều lệ của hội, tổ chức phi Chính phủ;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều lệ đối với hội, tổ chức phi Chính phủ.

Điều 12. Về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước

1. Trình Chính phủ ban hành nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ;

2. Trình Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổng cục thuộc bộ;

3. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các vụ, cục, thanh tra bộ, tổ chức sự nghiệp thuộc bộ và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của tổng cục thuộc bộ;

4. Quyết định thành lập các tổ chức sự nghiệp khác không thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật;

5. Trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thứ trưởng, Tổng cục trưởng tổng cục thuộc bộ, Chánh Thanh tra bộ;

6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật Phó Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Phó Chánh Thanh tra bộ, cấp trưởng và cấp phó của tổ chức sự nghiệp thuộc bộ; quy định thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức thuộc bộ; bổ nhiệm có thời hạn các chức danh nêu trên là 5 năm, hết thời gian đó sẽ tiến hành bổ nhiệm lại theo quy định của pháp luật;

7. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, cơ cấu tổ chức của các vụ, thanh tra, văn phòng, cục, các tổ chức sự nghiệp và mối quan hệ công tác của từng tổ chức, quy định thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức thuộc cơ cấu của bộ; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc hoàn thiện tổ chức bộ máy của bộ;

Trong trường hợp luật, pháp lệnh chuyên ngành quy định, trình Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ của thanh tra bộ;

8. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp cụ thể để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức của bộ, chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong ngành, lĩnh vực do bộ phụ trách;

9. Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, chế độ tiền lương, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật;

10. Ban hành hoặc phối hợp ban hành tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

11. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

Điều 13. Về kiểm tra, thanh tra

1. Hướng dẫn, kiểm tra các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, công dân và người nước ngoài tại Việt Nam trong việc thực hiện luật pháp của nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật về ngành, lĩnh vực do bộ ban hành;

2. Kiểm tra các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, công tác thuộc ngành, lĩnh vực của bộ;

3. Kiểm tra, thanh tra và kiến nghị với Bộ trưởng quản lý ngành, lĩnh vực khác đình chỉ việc thi hành hoặc sửa đổi, bãi bỏ những quy định do bộ đó ban hành trái với các văn bản quy phạm pháp luật về ngành, lĩnh vực do bộ phụ trách; nếu người nhận được kiến nghị không nhất trí thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

4. Kiểm tra, thanh tra, đình chỉ việc thi hành và đề nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ những quy định của ủy ban nhân dân và Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trái với các văn bản quy phạm pháp luật về ngành, lĩnh vực do bộ phụ trách và chịu trách nhiệm về quyết định đình chỉ đó. Trong trường hợp ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không nhất trí với quyết định đình chỉ việc thi hành thì vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ;

5. Kiểm tra và kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trái với các văn bản quy phạm pháp luật về ngành, lĩnh vực do bộ phụ trách;

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và tổ chức việc tiếp công dân đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Về quản lý tài chính, tài sản

1. Trình Chính phủ dự toán ngân sách hàng năm của bộ;

2. Đối với phân kế hoạch tài chính do bộ trực tiếp quản lý và thực hiện sau khi được phê duyệt : Bộ trưởng quyết định phân bổ, kiểm tra việc chi tiêu, chịu trách nhiệm quyết toán và có quyền điều chỉnh chi tiết trong phạm vi tổng mức thu chi tài chính được phê duyệt để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng không được thay đổi mục tiêu kế hoạch được duyệt;

3. Đối với phân kế hoạch tài chính do các bộ, địa phương quản lý để thực hiện mục tiêu, chương trình đã được duyệt thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ : Bộ trưởng có trách nhiệm kiểm tra thực hiện mục tiêu chương trình đã được duyệt và phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh chi tiết trong phạm vi kế hoạch tài chính đã được duyệt để bảo đảm thực hiện được mục tiêu, chương trình đề ra;

4. Thực hiện công tác quản lý tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật;

5. Quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của nhà nước đã giao cho bộ.

Chương III

cơ cấu tổ chức của Bộ

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của bộ, gồm :

1. Vụ, thanh tra bộ, văn phòng bộ;
2. Cục, tổng cục (không nhất thiết các bộ đều có);
3. Các tổ chức sự nghiệp.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu vụ, thanh tra bộ, văn phòng bộ, cục, tổng cục và tổ chức sự nghiệp thuộc bộ không quá 3 người.

Điều 16. Vụ

1. Vụ được tổ chức để tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo hướng một vụ được giao nhiều việc, nhưng một việc không giao cho nhiều vụ;
2. Vụ không có phòng, không có con dấu riêng.

Trường hợp cần thiết phải lập phòng trong vụ, Chính phủ sẽ quy định cụ thể trong Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ.

Điều 17. Văn phòng bộ

1. Văn phòng bộ có chức năng giúp Bộ trưởng tổng hợp, điều phối hoạt động các tổ chức của bộ theo chương trình, kế hoạch làm việc và thực hiện công tác hành chính quản trị đối với các hoạt động của cơ quan bộ.

2. Nhiệm vụ chủ yếu của văn phòng bộ như sau :

a) Tổng hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác định kỳ của bộ; theo dõi và đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của bộ; lập báo cáo định kỳ và đột xuất về việc thực hiện nhiệm vụ của bộ;

b) Tổ chức quản lý và hướng dẫn thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, tổng hợp công tác thi đua - khen thưởng của bộ;

c) Kiểm tra thể thức và thủ tục trong việc ban hành các văn bản của bộ;

d) Giúp Bộ trưởng trong việc cung cấp thông tin đối với các phương tiện thông tin đại chúng, các tổ chức, cá nhân;

đ) Bảo đảm trật tự kỷ luật, kỷ cương theo nội quy làm việc của cơ quan;

e) Quản lý cơ sở vật chất, bảo đảm phương tiện và điều kiện làm việc của cơ quan bộ; quản lý tài sản, kinh phí hoạt động của cơ quan bộ.

Trường hợp đặc thù cần có tổ chức để thực hiện nhiệm vụ này, Chính phủ sẽ quy định cụ thể trong nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ.

3. Văn phòng bộ có con dấu; cơ cấu tổ chức của văn phòng bộ có thể có phòng.

Điều 18. Thanh tra bộ

1. Thanh tra bộ có chức năng thực hiện quyền thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Nhiệm vụ chủ yếu của thanh tra bộ như sau :

a) Trình Bộ trưởng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm; tổ chức thực hiện sau khi Bộ trưởng phê duyệt;

b) Thanh tra việc chấp hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội và công dân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của bộ và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

c) Thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị, cá nhân thuộc bộ;

d) Giúp Bộ trưởng công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra bộ có con dấu; cơ cấu tổ chức thanh tra bộ có thể có phòng.

Điều 19. Cục thuộc bộ

1. Cục được tổ chức để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; cục không ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

2. Đối tượng quản lý của cục là những tổ chức và cá nhân hoạt động liên quan đến chuyên ngành, chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chuyên ngành đó; phạm vi hoạt động của cục không nhất thiết ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

3. Cục được thành lập phòng và đơn vị trực thuộc; cục có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 20. Tổng cục thuộc bộ

1. Tổng cục được tổ chức để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành lớn, phức tạp không phân cấp cho địa phương, do bộ trực tiếp phụ trách và theo hệ thống dọc từ trung ương đến địa phương trong phạm vi toàn quốc; tổng cục không ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

2. Đối tượng quản lý của tổng cục là những tổ chức và cá nhân hoạt động liên quan đến chuyên ngành, chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chuyên ngành đó;

3. Cơ cấu tổ chức của tổng cục gồm : cơ quan tổng cục và cục ở cấp tỉnh, chi cục ở cấp huyện (nếu có). Cơ quan tổng cục gồm văn phòng, ban và đơn vị trực thuộc. Tổng cục có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 21. Tổ chức sự nghiệp thuộc bộ

1. Việc thành lập tổ chức sự nghiệp thuộc bộ để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ hoặc để thực hiện một số dịch vụ công có đặc điểm, tính chất quan trọng cần thiết do bộ trực tiếp thực hiện;

2. Tổ chức sự nghiệp không có chức năng quản lý nhà nước;

3. Tổ chức sự nghiệp được tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật;

4. Tổ chức sự nghiệp có con dấu và tài khoản riêng.

Chương IV

Chế độ làm việc và trách nhiệm của Bộ trưởng

Điều 22. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Bộ trưởng đối với bộ

1. Bộ trưởng làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung, dân chủ; quyết định ban hành quy chế làm việc, chế độ thông tin, báo cáo của bộ và các đơn vị trực thuộc; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế đó;

2. Bộ trưởng chịu trách nhiệm chuẩn bị đề Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định các loại công việc về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

3. Bộ trưởng chịu trách nhiệm về chất lượng, nội dung các văn bản quy phạm pháp luật do bộ chuẩn bị; về chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển, chương trình, kế hoạch công tác sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, về hiệu quả các dự án, các chương trình, đề án của bộ và về sử dụng các nguồn lực của bộ;

4. Bộ trưởng quyết định các công việc thuộc phạm vi quản lý của bộ và chịu trách nhiệm về các quyết định đó;

5. Bộ trưởng chịu trách nhiệm về những công việc do bộ trực tiếp quản lý; chịu trách nhiệm liên đới về những công việc đã phân cấp cho chính quyền địa phương, nhưng do bộ không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra để xảy ra sự cố, thảm họa nguy hiểm, thất thoát, thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước và nhân dân;

6. Bộ trưởng chịu trách nhiệm thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

7. Bộ trưởng chịu trách nhiệm khi có những khuyết điểm về quản lý và để xảy ra tình trạng tham nhũng, quan liêu, gây thiệt hại lớn trong cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng;

8. Bộ trưởng phân công cho Thứ trưởng giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc ủy nhiệm cho Thứ trưởng làm việc và giải quyết các đề nghị của địa phương, của các bộ thì Bộ trưởng phải chịu trách nhiệm về những quyết định của Thứ trưởng được phân công hoặc ủy nhiệm giải quyết.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước của bộ về ngành, lĩnh vực;

2. Không chuyển các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ lên Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ; không ban hành những văn bản trái với quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; những vấn đề vượt quá thẩm quyền được giao phải xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ;

3. Cùng tập thể Chính phủ xây dựng thể chế trình Quốc hội, ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định hoặc Chính phủ ban hành theo thẩm quyền;

4. Tham gia đầy đủ các phiên họp của Chính phủ, tham gia quyết định những vấn đề mà Chính phủ trình Quốc hội quyết định và những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ;

5. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

6. Bộ trưởng chịu sự kiểm tra của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Chính phủ phân công.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Bộ trưởng khác

1. Thực hiện những quy định quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của các bộ khác; không ban hành những văn bản trái với quy định của các Bộ

trường khác;

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ để giải quyết những vấn đề quản lý nhà nước do bộ phụ trách có liên quan đến chức năng của bộ khác; trường hợp có ý kiến khác nhau thì Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

3. Các vấn đề trong văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến bộ khác, phải có ý kiến của Bộ trưởng đó bằng văn bản. Các Bộ trưởng được hỏi ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu trả lời bằng văn bản không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được văn bản, nếu bộ được hỏi ý kiến không trả lời coi như đã đồng ý.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo ủy ban nhân dân thực hiện mục tiêu, chương trình, quy hoạch phát triển, kế hoạch, dự án về ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; giải quyết các đề xuất, kiến nghị của ủy ban nhân dân phù hợp với quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực;

2. Hướng dẫn và chỉ đạo ủy ban nhân dân về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực do bộ quản lý;

3. Kiểm tra Chủ tịch ủy ban nhân dân trong việc thực hiện tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc ủy ban nhân dân và yêu cầu Chủ tịch ủy ban nhân dân có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu các tổ chức của trung ương đặt tại địa phương.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với các cơ quan của Quốc hội, với đại biểu Quốc hội và với cử tri

1. Khi ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội yêu cầu, Bộ trưởng có trách nhiệm trình bày hoặc cung cấp các tài liệu cần thiết; Bộ trưởng gửi các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành đến Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội theo lĩnh vực mà Hội đồng Dân tộc, ủy ban phụ trách;

2. Bộ trưởng có trách nhiệm trả lời các kiến nghị của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị;

3. Bộ trưởng có trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội và kiến nghị của cử tri về những vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với các tổ chức chính trị - xã hội thuộc ngành, lĩnh vực

Bộ trưởng có trách nhiệm phối hợp với người đứng đầu tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác trong khi thực hiện nhiệm vụ của bộ; tạo điều kiện để các tổ chức nêu trên hoạt động, tham gia xây dựng chế độ, chính sách có liên quan.

Chương V
Điều khoản thi hành

Điều 28. Đối với tổng cục thuộc bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khi chuyển giao về bộ

Để đáp ứng mục tiêu cải cách hành chính, bảo đảm sự thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước, các tổng cục thuộc bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khi chuyển giao về bộ phải tổ chức theo quy định của Nghị định này nhưng có bước đi thích hợp.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng
Phan Văn Khải - Đã ký

Nơi nhận :

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các bộ, cơ quan ngang bộ,
cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục,

các đơn vị trực thuộc,
- Lưu : CCHC (5b), Văn thư.